

Bản án số: 381/2023/DS-PT
Ngày 30-3-2023
*Về việc “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan

Ông Trần Đức Nam

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền - Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 30 tháng 3 năm 2023 tại Phòng xử án của Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ
lý số: 480/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 386/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022
của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 709/2023/QĐ-PT ngày
22 tháng 02 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S (đã chết ngày 18/4/2022)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S: Bà Trần
Ngọc V (vợ của ông S), bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc N (là các con
ruột của ông S) (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V, bà L, bà N: Bà Nguyễn Thị An
N1; Địa chỉ: phường B, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền lập
ngày 21/5/2022 tại Văn phòng công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh). (Có
mặt)

2. Bị đơn:

2.1 Ông Phương Bửu L. (Có mặt).

Địa chỉ: Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Ông Lê S1 (Có mặt)

2.3 Bà Nguyễn Thị H (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Lê Khánh M. (Có mặt)

Địa chỉ: Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Bà Trần Ngọc V. (Có mặt)

Địa chỉ: Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Bà Nguyễn Thị An N1; Địa chỉ: phường B, Quận O, TP. Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền lập ngày 21/5/2022 tại Văn phòng công chứng N, Thành phố Hồ Chí Minh). (Có mặt)

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 6 năm 2019, biên bản hòa giải ngày 16/6/2022 và ngày 17/8/2022 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S – có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị An N1 trình bày:

Ông Nguyễn Văn S và ông Phương Bửu L có mối quan hệ quen biết với nhau, thuộc cấp và lãnh đạo. Ông L nguyên là Phó Bí thư Đảng Ủy Phường M, Quận T, ông S nguyên là Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Phường M, Quận T.

Ngày 27/06/2011, Ông L có hỏi vay ông S số tiền 600.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 2 tháng. Ông S đã giao đủ số tiền trên cho Ông L, Ông L giao lại cho ông S1 trước mặt ông S tại quán Ngọc Cúc. Việc vay mượn không có làm giấy vay, vì tin tưởng nhau là chỗ quen biết, đồng thời Ông L đưa ông S giữ bản chính giấy chủ quyền nhà mang tên Lê Khánh M để đảm bảo cho số tiền vay.

Ngày 27/07/2011, Ông L có trả tiền lãi cho ông S.

Ngày 27/08/2011, đến hạn trả nợ gốc và lãi, ông S đến nhà Ông L để yêu cầu thanh toán nhưng lúc này Ông L nói không vay tiền ông S, mà là vợ chồng ông S1 và bà H vay số tiền đó, nên Ông L không trả nợ.

Vì nghĩ Ông L đang kẹt tiền và bức bối chuyện gì đó, nên ông S đi về chờ lúc khác qua đòi nợ tiếp. Phần vì ông S cũng lo sợ mình đang là thuộc cấp của Ông L nên không làm dữ để đòi nợ, sợ bị cho thôi việc.

Nhưng từ đó đến nay, ông S đã nhiều lần đòi khoản nợ này nhưng Ông L cứ thoái thác, lảng tránh. Đến năm 2012 Ông L chuyển công tác về Ban quản lý chợ Bình Đông, còn ông S hết nhiệm kỳ không còn làm việc ở Phường M, từ lúc đó đến nay Ông L tránh mặt ông S, gọi điện thoại không bắt máy, nhắn tin không trả lời.

Nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết:

Buộc ông Phương Bửu L phải trả cho ông Nguyễn Văn S khoản tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng), cùng tiền lãi phát sinh từ tháng 07/2011 đến nay tạm tính là 8 năm (20%/năm) là 600.000.000 đồng x 20% x 8

năm = 960.000.000 đồng (chín trăm sáu mươi triệu đồng) – tổng cộng gốc, lãi tạm tính đến nay là 1.560.000.000 đồng (một tỉ năm trăm sáu mươi triệu đồng), trả làm một lần ngay sau án có hiệu lực pháp luật và phải tiếp tục trả tiền lãi đến ngày xét xử.

Trong trường hợp Ông L không có khả năng trả nợ và lãi thì buộc vợ chồng ông S1 bà H liên đới chịu trách nhiệm trả nợ và lãi cho ông S. Sau khi thanh toán xong các khoản nợ thì ông S sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Lê Khánh M.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S đã bệnh chết vào ngày 18/4/2022. Bà N1 đã bổ sung thủ tục Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S cho Tòa án theo quy định pháp luật và người kế thừa ủy quyền cho bà N1 tiếp tục tham gia tố tụng.

Tại bản tự khai đề ngày 01/11/2019, biên bản hòa giải ngày 16/6/2022, bị đơn ông Phương Bửu L trình bày:

Ông không đồng ý với nội dung khởi kiện của ông S vì ông không có vay mượn tiền cũng như Giấy chứng nhận nhà đất của ông M. Việc chi trả như thế nào đó là việc thỏa thuận giữa bên cho vay (ông S) và bên vay mượn (vợ chồng ông S1 và bà H). Nếu không thương lượng được nhờ Tòa án nhân dân Quận T căn cứ vào chứng cứ các bên đã nộp, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 01/11/2019, biên bản hòa giải ngày 16/6/2022, bị đơn ông Lê S trình bày:

Ông đề nghị ông Lê Khánh M là chủ sở hữu nhà số Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm trả lại số tiền cho bà Nguyễn Thị H đã nhận của ông Nguyễn Văn H. Số tiền này sẽ trả lại cho ông Phương Bửu L và ông Phương Bửu L phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ hồ sơ căn nhà, Quyền sở hữu nhà ở và đất ở cho em ông là Lê Khánh M, vì ông đã cho ông Phương Bửu L mượn để vay tiền. Ông có cho ông Phương Bửu L mượn hồ sơ căn nhà số Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh để vay tiền. Căn nhà này của Lê Khánh M, em trai của ông.

Tại bản tự khai đề ngày 01/11/2019, biên bản hòa giải ngày 16/6/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Anh Phương Bửu L quen biết anh Sơn, là người vay tiền của anh S, cho anh H mượn và anh H có đưa cho bà số tiền 200.000.000 đồng, đi theo Lê Khánh M chuộc giấy tờ nhà địa chỉ số Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu là ông Lê Khánh M. Theo thỏa thuận của Lê Khánh M, ông Phương Bửu L và bà, yêu cầu anh L phải trả số tiền còn lại. Theo bên anh S tính và số tiền anh H đưa cho bà là 200.000.000 đồng mà bà đã theo Lê Khánh M đến ngân hàng chuộc giấy tờ. Bà yêu cầu ông Lê Khánh M trả lại số tiền chuộc sổ hồng nhà lại cho anh S mà số tiền từ anh S đưa cho anh L mượn,

anh H mới có tiền đưa cho bà theo Lê Khánh M chuộc sổ hồng tổng số tiền là 178.000.000 đồng, bà có đưa cho Khánh M 2.000.000 đồng. Tổng số là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Còn lại 20.000.000 đồng đóng lãi ngân hàng Đông Á cho anh H.

Ngày 24/6/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu phản tố: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông Lê Khánh M có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay gốc là 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng. Yêu cầu thanh toán một lần, không tính lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Khánh M trình bày:

Ông không biết việc vay mượn giữa ông Nguyễn Văn S với ông Phương Bửu L, ông Lê S1 và bà Nguyễn Thị H. Về giấy tờ nhà của ông tại địa chỉ số Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu là ông Lê Khánh M: Sau khi giải chấp từ Ngân hàng thì vợ chồng ông Lê S (là anh ruột của ông) và bà Nguyễn Thị H (là chị dâu của ông) đã giữ của ông và sau đó đưa cho ai thì ông không biết.

Đến lúc vụ án xảy ra, Tòa án thông báo thì ông mới biết là ông S giữ bản chính giấy tờ nhà của ông. Việc ông S giữ bản chính giấy tờ nhà của ông là không đúng quy định của pháp luật. Vì ông không liên quan gì đến việc vay mượn giữa các bên. Khi Tòa án xét xử vụ án, ông yêu cầu gia đình ông S trả lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở (bản chính) cho ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc V trình bày:

Bà Trần Ngọc V là vợ của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S. Bà V đồng ý với nội dung yêu cầu khởi kiện của ông S, bà đồng ý với nội dung bà An N1 trình bày, bà không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa:

+ Bà Nguyễn Thị An N1 trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Buộc phía bị đơn liên đới trả số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày hết hạn vay 27/8/2011 đến nay. Trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Đề nghị xử lý tài sản bảo đảm của người vay.

Về lãi suất vay: các bên thỏa thuận lãi 7%/tháng, thời hạn vay 02 tháng, ông S đã nhận 01 tháng tiền lãi từ Ông L đưa là 42.000.000 đồng/tháng.

Tại tòa, phía nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn trả vốn gốc là 600.000.000 đồng và yêu cầu lãi suất tính tròn chẵn là 400.000.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu trả là 1.000.000.000 (một tỷ) đồng.

+ Bị đơn ông Phương Bửu L trình bày: Ông không đồng ý với nội dung khởi kiện của nguyên đơn vì ông không có vay mượn tiền của nguyên đơn. Ông chỉ là người giới thiệu cho các bên biết để vay. Ông cũng không đưa lãi cho ông S, ông chỉ chuyển cho ông S Giấy tờ nhà bản chính đứng tên sở hữu là ông M- em trai của ông S1 (của ông S1 đưa cho ông).

+ Bị đơn ông Lê S trình bày: Ông không đồng ý với nội dung khởi kiện của nguyên đơn vì ông không có vay mượn tiền của nguyên đơn ông S. Hôm đó ông có đến quán Ngọc Cúc gặp Ông L, ông S. Ông L nhận một cục tiền từ ông S, khi ông S1 đến thì Ông L trao lại toàn bộ bọc tiền cho ông S1 và ông S1 mang về. Lúc đó, ông S1 mở ra thấy tiền nhưng không có kiểm đếm, không biết là bao nhiêu tiền. Sau đó, ông S1 mang bọc tiền về và đưa cho ông Nguyễn Văn H. Ông H đưa lại cho vợ ông là bà Nguyễn Thị H 200 triệu đồng để đi chuộc Giấy tờ nhà của em Lê Khánh M ở Ngân hàng ra.

Ông trình bày là Ông L vay tiền của ông S, chứ ông không có vay tiền của ông S, vì vậy ông không chịu trách nhiệm trả vốn gốc và lãi. Ông S1 xác nhận có đưa Giấy tờ nhà cho Ông L mượn - để Ông L vay tiền cho ông H mượn.

Ông đồng ý với yêu cầu phản tố của vợ ông là bà Nguyễn Thị H: yêu cầu ông Lê Khánh M trả cho bà H số tiền 180 triệu đồng đã mượn để giải chấp Ngân hàng lấy sổ hồng về, ông lấy số tiền này để trả lại cho ông S 200.000.000 đồng.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà không đồng ý với nội dung khởi kiện của nguyên đơn vì bà không biết việc vay mượn tiền giữa các bên, bà cũng không quen biết nguyên đơn ông S. Bà mượn 200.000.000 đồng của ông H. Bà trả Ngân hàng giải chấp lấy sổ hồng của em M ra hết 178.000.000 đồng, bỏ túi tặng cho em M 02 triệu đồng. Do vậy, tại tòa bà thay đổi yêu cầu: Chỉ yêu cầu ông Lê Khánh M trả cho bà số tiền 178.000.000 đồng, không tính lãi suất.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Khánh M trình bày: Ông không biết việc vay mượn tiền giữa các bên, ông cũng không quen biết nguyên đơn ông S. Ông M chỉ đưa giấy tờ nhà cho anh trai là ông S1 giữ, không biết việc ông S1 thế chấp Giấy tờ nhà của ông cho người khác. Vì vậy, ông yêu cầu khi Tòa giải quyết vụ án thì lập tức trả lại bản chính Giấy tờ nhà cho ông.

Ông không đồng ý với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H vì ông không còn nợ nần gì vợ chồng ông S1 bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 386/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

“1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S:

Buộc ông Lê S phải thanh toán cho nguyên đơn - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S số tiền là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S có đơn yêu cầu thi hành án trở đi, nếu ông Lê S chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Lê Khánh M trả cho bà số tiền 178.000.000 đồng, không tính lãi suất.

3. Nguyên đơn - Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 3459/2009/GCN do Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/8/2009 đứng tên sở hữu là ông Lê Khánh M - cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Khánh M ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.”

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 21/9/2022, bà Trần Ngọc V, bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc N nộp đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, xử buộc bị đơn trả số tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 11 năm 2 tháng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định. Sau khi bị đơn trả xong nợ mới trả giấy chủ quyền nhà cho ông M. Nếu không trả được nợ thì yêu cầu cho xử lý tài sản thế chấp để trả nợ.

- Ngày 21/9/2022 ông S1 nộp đơn kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm, xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông S1 không phải trả số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng.

- Ngày 21/9/2022 bà Nguyễn Thị H nộp đơn kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm, buộc ông M trả số nợ 178.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà N1 có ý kiến:

-Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo. Yêu cầu Ông L cùng liên đới với vợ chồng ông S1, bà H trả số nợ vốn là 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

-Lãi suất vay là 7%/tháng, thời hạn vay 2 tháng, Ông L đã trả lãi 1 tháng là 42.000.000 đồng.

Ông L có ý kiến:

-Ông L xác định chỉ là người môi giới cho ông S cho ông S1 vay tiền, lãi suất vay là 5%/tháng, vay không kỳ hạn. Giữa ông S và ông S1 không quen biết nhau, qua giới thiệu của ông thì 2 người gặp nhau chỉ 1 lần vào ngày 27/6/2011, hai bên giao nhận số tiền vay là 600.000.000 đồng. Ông L không nhận tiền từ ông S và cũng không trả cho ông S khoản tiền lãi nào. Tiền do ông S1 vay, ông S1 sử dụng vào mục đích gì ông không rõ. Ông không sử dụng khoản tiền vay này.

- Đối với “Giấy biên nhận” ngày 06/11/2011, giấy này do bà H (vợ ông S1) viết rồi nhờ bà Ngọc H1 (là người quen của Ông L và vợ chồng ông S1) đưa cho Ông L tại quán cà phê gần nhà bà Ngọc H1, Ông L nhận Giấy biên nhận, đọc lại nội dung rồi đem về cơ quan giao cho ông S. Nguyên nhân có Giấy biên nhận này là do ông S không tìm được vợ chồng ông S1 nên nhờ ông tìm, ông tìm không được nên nhờ bà Ngọc H1 tìm, sau đó bà H (vợ ông S1) viết giấy này đưa cho bà Ngọc H1 chuyển cho ông.

- Ông L thừa nhận chính ông đã nhận giấy chủ quyền nhà của ông Khánh M do ông S1 đưa để giao cho ông S giữ làm tin.

- Ông L nộp bổ sung “Đơn đề nghị xử lý ông Nguyễn Văn S có hành vi cưỡng đoạt tài sản” ghi ngày 24/7/2015 của ông Phương Bửu L.

Ông S1 trình bày:

- Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông không vay tiền của ông S nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc ông trả gia đình ông S 600.000.000 đồng là sai, đề nghị sửa án sơ thẩm, xử ông không phải trả cho ông S số nợ gốc 600.000.000 đồng.

- Việc ông giao giấy chủ quyền nhà của ông Khánh M cho Ông L để giao cho ông S là vì Lâm muốn vay tiền giúp ông H (chỗ quen biết của ông H và ông S1) nhưng không có tài sản thế chấp nên mới xảy ra thỏa thuận bằng lời nói giữa Ông L, ông H với ông M là ông M sẽ cho Ông L mượn giấy chủ quyền nhà để vay tiền, sau đó ông H đưa cho vợ ông là bà H số tiền 200.000.000 đồng để giải chấp giấy tờ nhà của ông M tại Ngân hàng rồi giao giấy chủ quyền nhà của ông M cho Ông L đi thế chấp lại cho ông S. Mỗi tháng ông H hứa sẽ cho ông M số tiền 10.000.000 đồng nhưng sau khi sự việc Ông L vay tiền diễn ra 1 tháng thì ông H bị bắt nên chưa kịp cho tiền ông M mỗi tháng.

- Ông không nhận số tiền 600.000.000 đồng từ ông S mà là Ông L đưa cho ông để mang về giao cho ông H. Đồng ý trả cho ông S số tiền 200.000.000 đồng mà bà H - vợ ông đã nhận.

Bà H (vợ ông S1) trình bày:

- Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa xử buộc ông M trả cho bà 178.000.000 đồng, đây là số tiền bà nhận từ ông H để giải chấp giấy chủ quyền nhà cho ông M tại Ngân hàng, đến nay ông M vẫn chưa trả cho bà. Bà thừa nhận có nhận 200.000.000 đồng từ ông H, bà đồng ý trả khoản tiền này cho gia đình ông S nhưng ông M phải trả nợ cho bà.

- “Giấy biên nhận” ngày 06/11/2011 do bà viết theo yêu cầu của Ông L và bà Ngọc H1 sau khi ông H bị bắt vì Ông L yêu cầu phải viết giấy này để ông S không đòi nợ Ông L.

Ông Khánh M trình bày:

- Ông xác định không biết ông H, không có việc ông cho mượn giấy chủ quyền nhà để thế chấp cho ông S, không có việc ông H hứa cho ông 10.000.000

đồng/tháng. Ông thừa nhận có vay ông S1, bà H 178.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng và giải chấp giấy chủ quyền nhà nhưng ông đã trả nợ xong từ năm 2013, còn giấy chủ quyền nhà ông S1 vẫn giữ và tự ý thế chấp cho ông S. Nay ông yêu cầu gia đình ông S phải trả lại Giấy chủ quyền nhà cho ông.

*Tại phiên tòa, bà N1, ông S1 và Ông L cùng thống nhất xác định vào năm 2012, ông S có làm đơn tố cáo Ông L đến Quận ủy Quận tố cáo Ông L vay của ông S số tiền 600.000.000 đồng và đòi nợ vì Ông L không trả vốn lẫn lãi, Quận ủy Quận T có mời Ông L, ông S1, ông S lên làm việc nhưng Ông L không nhận nợ nên Quận ủy không giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định.

Về nội dung:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê S và bà Nguyễn Thị H
- Không chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Ngọc V, bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc N về yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng nguyên đơn sẽ trả Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của ông Lê Khánh M khi bị đơn thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Ngọc V, bà Nguyễn Ngọc L, bà Nguyễn Ngọc N. Buộc ông S1 và bà H liên đới trả cho bà V, bà L và bà N số nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

[1.1].Đơn kháng cáo của ông B nộp trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng thời hạn theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp thuận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2].Về quan hệ pháp luật tranh chấp, quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[2].Xét kháng cáo của bà V, bà N và bà L.

[2.1].Xét việc giao dịch vay số tiền 600.000.000 đồng.

Căn cứ vào toàn bộ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án do Tòa án cấp sơ thẩm thu thập và lời khai, tài liệu mới của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện:

[2.1.1]. Có cơ sở xác định có việc ông S (khi còn sống) có cho vay số tiền 600.000.000 đồng, hình thức giao dịch bằng lời nói, vay tiền có lãi suất nhưng các bên không thống nhất về mức lãi suất; Không có cơ sở xác định việc cho vay là có thời hạn.

[2.1.2]. Về chủ thể tham gia giao dịch, trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ.

- Ông S (khi còn sống) và ông S1 đều xác định ông S không quen biết với vợ chồng ông S1, bà H, chính Ông L (cấp trên của ông S) là người giới thiệu ông S1 và ông S.

- Xét về ý chí của ông S khi cho vay tiền, ông S đã nhận thức khoản vay 600.000.000 đồng là khoản tiền lớn nên việc cho vay cần phải có tài sản bảo đảm hoặc ít nhất có người có uy tín bảo lãnh có đủ khả năng trả nợ.

- Ngày 27/6/2011, ông S giao số tiền cho vay là 600.000.000 đồng, do giao dịch giữa các bên không lập thành văn bản nên không có chứng cứ trực tiếp xác định ai là người vay tiền, nhận tiền của ông S. Tuy nhiên, sự thật ông S đã giao tiền (khi đó có mặt Ông L) nhưng chưa nhận được tài sản thế chấp thì chủ thể vay tiền có thể là Ông L, hoặc Ông L và ông S1 cùng vay hoặc ông S1 vay tiền được Ông L bảo lãnh.

Hai ngày sau khi nhận tiền, ông S1 đưa Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 3459/2009/GCN do Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/8/2009 đứng tên sở hữu là ông Lê Khánh M cho Ông L để Ông L giao cho ông S giữ để đảm bảo khoản vay (hiện người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S là bà V, bà L và bà N đang giữ Giấy chứng nhận nói trên). Điều này khẳng định việc Hội đồng xét xử đánh giá về ý chí của ông S khi cho vay tiền là có cơ sở.

Từ sự việc này cho thấy nếu Ông L chỉ là người môi giới thì ông S sẽ không đồng ý cho vay, giao tiền khi chưa nhận được tài sản bảo đảm. Do vậy, Ông L không là người môi giới.

- Tại “Giấy biên nhận” ngày 06/10/2011, do bà H (vợ ông S1) lập có nội dung: *“Tôi tên là Nguyễn Thị H, có đưa giấy tờ nhà cho A Phương Bửu L vay số tiền 600.000.000 (sáu trăm triệu đồng chẵn) để đưa A Nguyễn Văn H sử dụng vào ngày 27/6/2011 trong lúc anh H khó khăn, tôi và anh L cùng hỗ trợ giúp anh H và số tiền trên tôi và anh L không sử dụng. Anh H người sử dụng số tiền anh L đã mượn dùm, vào ngày 26/7/2011 Anh H đã bị bắt. Trong thời gian này tôi và anh L thật khó khăn và đang tìm người bán tài sản của Anh H để thanh toán lại số tiền mà anh L đã mượn dùm cho Anh H thời gian sớm nhất, trả vốn+lãi sau khi thanh toán cho anh S đã cho anh L mượn”*.

Sau khi bà H viết “Giấy biên nhận”, Ông L đã nhận “Giấy biên nhận”, Ông L xác định đã đọc lại nhưng không có ý kiến phản đối với bà H hoặc ghi nội dung phản đối vào “Giấy biên nhận” mà sau đó giao cho ông S và không có ý kiến gì.

Xét toàn bộ diễn biến giao dịch, xét ý chí của các bên tham gia giao dịch, lời khai của ông S1, S, L, bà H và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng có cơ sở xác định Ông L và ông S1, bà H đã thỏa thuận là Ông L và vợ chồng ông S1, bà H cùng vay tiền của ông S để giúp đỡ ông H, Ông L tìm người cho vay, ông S1, bà H là người tìm tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay.

Do vậy, chủ thể tham gia giao dịch gồm: Bên cho vay là ông S - Bên vay là Ông L và ông S1, bà H, khoản vay là 600.000.000 đồng có lãi suất, vay không kỳ hạn. Do Ông L và vợ chồng ông S1, bà H không xác định trách nhiệm cụ thể đối với khoản vay nên Hội đồng xét xử xác định cả 2 bên phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho các thừa kế của ông S theo quy định tại Điều 298 và Điều 300 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[2.1.3].Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông S1 phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay là không đúng.

[2.2].Tại phiên tòa, các đương sự xác định năm 2012 ông S đã nộp đơn tố cáo Ông L tại Quận ủy Quận T về việc vay số tiền 600.000.000 đồng nhưng Ông L không đồng ý vì cho rằng không vay tiền. Năm 2019 ông S nộp đơn khởi kiện đòi nợ, theo phân tích tại mục [2.1] thì bên vay tiền phải có nghĩa vụ trả ngay số nợ gốc là 600.000.000 đồng cho các thừa kế của ông S.

[2.3].Về lãi suất cho vay.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 2, Điều 4, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 “Về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm” của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Do các bên tranh chấp về lãi suất nên căn cứ xác định lãi suất áp dụng để xét xử là lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.

Theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước “Về mức lãi suất cơ bản đồng Việt Nam” quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm.

Thời gian tính lãi: Từ ngày 28/6/2011 (ngày tiếp theo ngày vay tiền) đến ngày 08/9/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 11 năm 2 tháng 12 ngày #11,2 năm.

Số tiền lãi: $11,2 \text{ năm} \times 600.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} = 604.800.000 \text{ đồng}$.

Ông S thừa nhận đã nhận 42.000.000 đồng tiền lãi nên số tiền lãi phải thanh toán là: $604.800.000 \text{ đồng} - 42.000.000 \text{ đồng} = 562.800.000 \text{ đồng}$.

[2.4].Từ những phân tích trên, Ông L và ông S1, bà H phải có trách nhiệm trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S là bà V, bà L và bà N số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và số tiền lãi là 562.800.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm phía bà V, bà L và bà N có bà N1 làm đại diện hợp pháp chỉ yêu cầu số nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi là

400.000.000 đồng, yêu cầu này có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần kháng cáo của đương sự.

Buộc Ông L và ông S1, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S, gồm: bà V, bà L và bà N số nợ gốc và lãi là 1.000.000.000 đồng. Ông L chịu 50% nghĩa vụ, bà H và ông S1 chịu 50% nghĩa vụ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Xét kháng cáo của ông S1:

Ông S1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông S1.

[4]. Xét kháng cáo của bà H: Bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử giữ nguyên phần quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà H.

[5]. Trong quá trình vay mượn, phía Ông L và ông S1, bà H có đưa cho ông S giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 3459/2009/GCN do Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/8/2009 đứng tên sở hữu là ông Lê Khánh M cho ông S giữ để làm vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Việc này không được sự đồng ý của ông M, trái quy định của Điều 320 Bộ luật Dân sự 2005, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc người thừa kế của ông S trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 3459/2009/GCN do Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/8/2009 cho ông M là đúng pháp luật.

[6]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp quan điểm của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[7] Quan hệ giao dịch giữa Ông L, ông S1, bà H với ông H thì các bên sẽ tự giải quyết hoặc khởi kiện bằng vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do có tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm nên bản án sơ thẩm bị sửa một phần, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần xác định lại án phí dân sự sơ thẩm.

- Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S gồm bà V, bà L và bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Số tiền án phí dân sự sơ thẩm các bị đơn: Ông L, ông S1 và bà H cùng phải chịu tính trên số tiền 1.000.000.000 đồng là 42.000.000 đồng (Ông L chịu

50% tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà H và ông S1 chịu 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm)

- Bà H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

[9]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Ngọc V, bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc N.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê S1.

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 386/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S (sinh năm: 1962, chết năm: 2022), có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là bà Trần Ngọc V, bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc N.

Buộc ông Phương Bửu L và ông Lê S1, bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S là bà Trần Ngọc V, bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc N số tiền nợ gốc là 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng và tiền lãi là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng. Ông L có trách nhiệm trả 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng; bà H và ông S1 có trách nhiệm trả 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ông Phương Bửu L và ông Lê S1, bà Nguyễn Thị H còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền chưa thanh toán tính từ ngày 09/09/2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ trên theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Lê Khánh M trả cho bà số tiền 178.000.000 (một trăm bảy mươi tám triệu) đồng, không tính lãi suất.

3. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S là bà Trần Ngọc V, bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc N có trách nhiệm trả lại cho ông Lê Khánh M bản chính Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền

sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 3459/2009/GCN do Ủy ban nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/8/2009 cấp ông Lê Khánh M.

Thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn S là bà Trần Ngọc V, bà Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Ngọc N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà V, bà L và bà N số tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Văn S đã nộp là 29.400.000 (hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0019881 ngày 24/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận T, Thành phố.

- Ông Lê S, ông Phương Bửu L và bà Nguyễn Thị H cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 42.000.000 (Bốn mươi hai triệu) đồng. Cụ thể: Ông L chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng; ông S1 và bà H chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng.

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0017183 ngày 30/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Hoàn lại cho bà V số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0017449 ngày 22/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0017450 ngày 22/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho ông S1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0017447 ngày 21/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0017446 ngày 21/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận T, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Bảo Nguyên